THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Số: 21

Ngày 05/6/2023

Bản tin hàng tuần ra ngày thứ Hai

TÓM TẮT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Một số nội dung đáng chú ý trong Bản tin số 21:

Nghị định của Chính phủ quy định chế độ, chính sách tinh giản biên chế áp dụng từ ngày 20/7/2023 đến hết ngày 31/12/2030 đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện tinh giản biên chế.

Bộ Khoa học và Công nghệ cắt giảm 23 thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các sản phẩm thông tin của Thông tấn xã Việt Nam.

Công điện số 470/CĐ-TTg về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Dự thảo Thông tư quy định Nội quy và Quy chế tổ chức kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

Xin trân trọng giới thiệu Bản tin tới các đơn vị.

1. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ ÁP DỤNG ÁP DỤNG TỪ NGÀY 20/7/2023 ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2030

Theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ, từ ngày 20/7/2023, chính sách tinh giản biên chế cụ thể như sau:

Đối tượng tinh giản biên chế có tuổi thấp hơn tối đa đủ 05 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ: Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi; được trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị địnhsố 135/2020/NĐ-CP; được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi mốt trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

Đối tượng tinh giản biên chế có tuổi thấp hơn tối đa đủ 05 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì được hưởng lương hưu theo chế độ hưu trí và còn được hưởng các chế độ sau: Được trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu; Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi; Được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi mốt trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

Đối tượng tinh giản biên chế có tuổi tối thiểu thấp hơn 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Đối tượng tinh giản biên chế có tuổi tối thiểu thấp hơn 02 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên (riêng nữ cán bộ, công chức cấp xã thì có từ đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên) thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Đối tượng tinh giản biên chế là nữ cán bộ, công chức cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 05 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 02 tuổi so với tuổi

nghỉ hưu quy định mà có đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, ngoài hưởng chế độ hưu trí về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau: Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi; được hưởng trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân và được trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định.

2. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngày 02/6/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Nghị định 28/2023/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ (BKHCN).

Theo đó, BKHCN là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP, Bộ Khoa học và Công nghệ còn phải thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau: Phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, hằng năm; kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm, các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; hướng dẫn, kiểm tra đối với ngành nghề kinh doanh thuộc ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo danh mục do Chính phủ quy định; quản lý việc cấp, điều chỉnh, thu hồi, gia hạn các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký trong phạm vi quản lý nhà nước về các ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; chỉ đạo thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm và hàng năm, thúc đẩy việc phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật trọng điểm trên cơ sở ứng dụng, đổi mới và làm chủ công nghệ, phát triển công nghệ mới, công nghệ cao và thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thống nhất quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo; xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, phát triển đổi mới sáng tạo, hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và huy động các nguồn lực đầu tư cho đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; chủ trì,

phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án về sở hữu trí tuệ; quản lý hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam ...

Về cơ cấu tổ chức, Bộ Khoa học và Công nghệ gồm 22 đơn vị, trong đó có 18 đơn vị là các tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; 4 đơn vị là các đơn vị sự nghiệp phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao cho đến khi được cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban. Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc cho đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc tiếp tục duy trì tổ chức và hoạt động theo quy định hiện hành cho đến khi cấp có thẩm quyền quyết định việc tổ chức lại đơn vị. Cục Công tác phía Nam, Vụ Thi đua - Khen thưởng tiếp tục hoạt động cho đến khi Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị

Nghị định có hiệu lực từ ngày 06/6/2023.

3. PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM 23 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngày 29/5/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 587/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ. Phương án cắt giảm 23 thủ tục hành chính cụ thể như sau:

Thủ tục ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mã thủ tục hành chính 1.003686), nội dung cắt giảm, đơn giản hóa gồm: Bãi bỏ yêu cầu về Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong hồ sơ đề nghị ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; bổ sung yêu cầu người nộp đơn kê khai mã số doanh nghiệp trong tờ khai yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp để có thể tra cứu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và sửa Tờ khai trong hồ sơ.

Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa: Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 26.370.000 đồng/năm; chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 25.700.000 đồng/năm; chi phí tiết kiệm: 670.000 đồng/năm; tỷ lệ cắt giảm chi phí 3%.

Thủ tục ghi nhận thay đổi về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp/Người đại diện sở hữu công nghiệp (mã thủ tục hành chính 1.003661), nội dung cắt giảm, đơn giản hóa gồm: Bãi bỏ yêu cầu về Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong hồ sơ đề nghị ghi nhận thay đổi về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, bổ sung yêu cầu người nộp đơn kê khai mã số doanh nghiệp trong tờ khai yêu

cầu ghi nhận thay đổi về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp để có thể tra cứu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và sửa Tờ khai trong hồ sơ.

Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa: Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 26.370.000 đồng/năm; chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 25.700.000 đồng/năm; chi phí tiết kiệm: 670.000 đồng/năm; tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3%.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/5/2023.

4. ĐẨY MẠNH KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Ngày 30/5/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị 18/CT-TTg về đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh tiền tệ.

Theo đó, Bộ Công Thương xây dựng và đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu dùng chung về thương mại điện tử phục vụ công tác quản lý thuế, hải quan; hoàn thành chậm nhất trong năm 2025.

Bộ Thông tin và Truyền thông có nhiệm vụ phối hợp cung cấp, chia sẻ dữ liệu với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính về quản lý internet đối với các website có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam, hoàn thành chậm nhất trong năm 2025; phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch chi tiết về việc kết nối, chia sẻ dữ liệu để tăng cường công tác quản lý thuế đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ viễn thông, quảng cáo trên môi trường mạng; hoàn thành chậm nhất trong quý III/2023…

Bộ Công an phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch chi tiết về việc kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với: cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện chuyển đổi sử dụng mã định danh cá nhân làm mã số thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế; tổ chức, cá nhân trong nước có hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ viễn thông, quảng cáo trên không gian mạng, dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán, ví điện tử, chuyển tiền; các cá nhân có thu nhập từ quảng cáo do cung cấp sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số trên các nền tảng chia sẻ video xuyên biên giới trên không gian mạng, thông tin cá nhân có hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trên các website thương mại điện tử, mạng xã hội.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 30/5/2023.

5. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHỈ ĐẠO CÁC BỘ, NGÀNH THÁO GỠ KHÓ KHĂN VÀ THÚC ĐẨY THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN PHÁT TRIỂN

Ngày 25/5/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 469/CĐ-TTg về tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lãnh mạnh, bền vững.

Theo đó, các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp triển khai thực hiện nghiêm, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2023, Công điện số 1164/CĐ-TTg ngày 14 tháng 12

năm 2022, Công văn số 178/TTg-CN ngày 27 tháng 3 năm 2023, Công điện số 194/CĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2023, Thông báo số 133/TB-VPCP ngày 16 tháng 4 năm 2023 và tại các quyết định, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trước đây. Các Bộ, ngành và địa phương phải coi đây là nhiệm vụ cấp bách, quan trọng cần tập trung giải quyết theo nguyên tắc vướng mắc thuộc thẩm quyền của cấp nào thì cấp đó phải giải quyết. Các Bộ, ngành tập trung hướng dẫn các địa phương về các quy định thuộc lĩnh vực của mình để giải quyết vướng mắc hiện tại, không trả lời né tránh.

Bộ Xây dựng Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các địa phương tháo gỡ, khó khăn, vướng mắc trong việc lập, phê duyệt các quy hoạch; việc thực hiện điều chỉnh các quy hoạch; việc áp dụng cấp độ quy hoạch khi chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, trước ngày 15/6/2023; chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan rà soát các khó khăn, vướng mắc đối với các nội dung liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy trong các công trình xây dựng để đề xuất giải pháp tháo gỡ trước ngày 30/6/2023; đối với khó khăn, vướng mắc trong bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội Bộ Xây dựng hướng dẫn các địa phương giải quyết phù hợp theo quy định của pháp luật; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên cơ sở bảo đảm sản xuất, kinh doanh, hiệu quả, kịp thời thúc đẩy mở rộng tín dụng phù hợp với xu hướng lạm phát giảm và yêu cầu thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư dự án bất động sản, người mua nhà tiếp cận nguồn vốn tín dụng. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan triển khai Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng, trong đó chủ lực là 04 ngân hàng thương mại nhà nước theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 33/NQ-CP và chỉ đạo các ngân hàng thương mại cổ phần khác tích cực tham gia thực hiện Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030".

Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, đôn đốc và hướng dẫn các địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc xác định giá đất, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhất là ở cấp huyện và việc thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, trước ngày 30/6/2023. Kiểm tra, đôn đốc các địa phương khẩn trương ban hành các quy định cụ thể theo thẩm quyền để triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về đất đai, như: quy định cụ thể điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất theo từng loại đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất... trước ngày 15/6/2023.

6. THỰC HIỆN QUYẾT LIỆT CÁC GIẢI PHÁP THÁO GỠ KHÓ KHĂN CHO SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

Ngày 25/5/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 470/CĐ-TTg về việc tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả, có kế hoạch, thời hạn cụ thể hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, trong đó tiếp tục tập trung vào các nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất, Bộ Công Thương chủ trì cùng Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành liên quan thực hiện hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết; đẩy mạnh đàm phán, ký kết các Hiệp định, cam kết, liên kết thương mại mới, trong đó có Hiệp định FTA với Israel và các Hiệp định với các đối tác khác (UAE, MERCOSUR) để đa dạng hóa thị trường, sản phẩm, chuỗi cung ứng, tích cực tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam, nhất là những mặt hàng có thế mạnh, tiềm năng, lợi thế.

Tiếp theo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục chỉ đạo quyết liệt việc rà soát, chỉ đạo hệ thống ngân hàng thương mại tiết giảm chi phí, ứng dụng chuyển đổi số, tăng cường quản lý hiệu quả, giảm thủ tục hành chính, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo... để tiếp tục giảm lãi suất cho vay thiết thực, đúng đối tượng nhằm giải quyết khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, nhất là về đứt gãy chuỗi cung ứng và chi phí sản xuất gia tăng, góp phần kết hợp hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa lao động giá rẻ và vốn có chi phí thấp, góp phần giảm chi phí, tăng cường năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp vừa phát triển theo chiều rộng, vừa phát triển theo chiều sâu. Tiếp tục rà soát các gói tín dụng 40.000 tỷ đồng và 120.000 tỷ đồng với các điều kiện cho vay kịp thời, thuận lợi, thông thoáng, linh hoạt, khả thi, hợp lý hơn... đồng thời tăng cường giám sát kiểm tra, không để xảy ra trục lợi chính sách, vi phạm quy định pháp luật.

Bộ Tài chính khẩn trương kiểm tra, đánh giá đôn đốc Tổng cục Thuế thực hiện ngay, không chậm trễ, hướng dẫn các hồ sơ xem xét xin hoàn thuế giá trị gia tăng một cách nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả cho người dân, doanh nghiệp (hoàn thành trước ngày 28/5/2023); thực hiện hiệu quả các chính sách gia hạn, miễn giảm các loại thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiếp tục đề xuất các chính sách nếu thấy còn dư địa.

7. 03 YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI ĐỀ TÀI, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Ngày 25/5/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư 06/2023/TT-BKHCN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước.

Theo đó, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia phải đáp ứng một trong các căn cứ sau: Yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và của địa phương; chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ 05 năm, hằng năm; các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; những vấn đề khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách của quốc gia về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học công nghệ.

Yêu cầu chung đối với đề tài, dự án, đề án khoa học gồm: 1 là, có tính cấp thiết, có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi cả nước, có vai trò quan trọng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia; 2 là, các vấn đề khoa học cần phải huy động nguồn lực khoa học và công nghệ của quốc gia hoặc góp phần giải quyết những nhiệm vụ mang tính liên vùng, liên ngành; 3 là, không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đã và đang thực hiện. Thông tư cũng quy định cụ thể, rõ ràng yêu cầu riêng đối với đề tài, dự án và đề án khoa học.

Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặt hàng được thể hiện qua: "Tên; định hướng mục tiêu; yêu cầu đối với kết quả; phương án tổ chức thực hiện". Mục "Yêu cầu đối với kết quả" bao gồm một số chỉ tiêu, thông số chính, dự kiến yêu cầu về số lượng, chất lượng của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ, các yêu cầu này cần được thể hiện như sau: Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ yêu cầu về tính mới, yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu; đối với đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn các yêu cầu về tính mới, bảo đảm tạo ra luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước; đối với đề tài khác các yêu cầu về tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác; đối với dự án các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm; đối với đề án khoa học các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 09/7/2023.

8. SỬA ĐỔI HƯỚNG DẪN MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ngày 25/5/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 31/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Theo đó, chi phí lập nhiệm vụ, dự án gồm: Chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự án; chi phí thu thập, khảo sát, lấy và gia công phân tích một số mẫu phục vụ lập đề cương; phân tích tư liệu, kết quả khảo sát; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế phương án thi công, tính toán khối lượng công việc và lập dự toán kinh phí; họp hội đồng xét duyệt đề cương, xin ý kiến thẩm định, hoàn thiện cho đến khi được phê duyệt

Chi phí cụ thể: Với nhiệm vụ, dự án có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán được phê duyệt: Dự toán chi phí tính trên cơ sở khối lượng (x) đơn giá dự toán.

Với nhiệm vụ, dự án chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán, dự toán chi phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp nhiệm vụ, dự án: Hạng mục công việc có chi phí trực tiếp ≤ 5 tỷ đồng, dự toán chi phí là 1,60%; hạng mục công việc có chi phí trực tiếp 50 tỷ đồng, dự toán chi phí là 0,40%...

Thông tư có hiệu lực từ ngày 11/7/2023.

9. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Ngày 29/5/2023, Kiểm toán Nhà nước đã ra Quyết định 08/2023/QĐ-KTNN ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Theo đó, quy trình kiểm toán gồm 4 bước: Chuẩn bị kiểm toán; thực hiện kiểm toán; lập và gửi báo cáo kiểm toán; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Thực hiện theo quy định Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán Nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan khi phát sinh các hành vi vi phạm sau: Cung cấp thông tin, tài liệu không kịp thời, không chính xác, không đầy đủ, không trung thực, không khách quan hoặc trì hoãn, không cung cấp, từ chối việc cung cấp thông tin, tài liệu theo văn bản yêu cầu của Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán, Kiểm toán viên Nhà nước; trả lời và giải trình không kịp thời, không chính xác, không đầy đủ hoặc không trả lời và giải trình, từ chối trả lời và giải trình các vấn đề theo yêu cầu của Đoàn kiểm toán, Tổ kiểm toán, KTVNN.

Một số lưu ý khi thông qua dự thảo biên bản kiểm toán đó là: Có thể không tổ chức họp thông qua dự thảo biên bản kiểm toán trong trường hợp đơn vị được kiểm toán thống nhất với nội dung dự thảo biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và không có ý kiến gì khác; đơn vị được kiểm toán không ký biên bản kiểm toán có chữ ký của Tổ trưởng Tổ kiểm toán sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thì thực hiện theo Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán Nhà nước và các văn bản liên quan của Kiểm toán Nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13/7/2023.

10. QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM THÔNG TIN CỦA THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Ngày 29/5/2023, Thông tấn xã Việt Nam đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-TTX về việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các sản phẩm thông tin của Thông tấn xã Việt Nam.

Cụ thể, đối với các sản phẩm tin thông tấn, báo in, báo điện tử, áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30/11/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đối với các sản phẩm chương trình truyền hình, áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đối với các sản phẩm thông tin âm thanh, áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24/4/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đối với các sản phẩm thông tin đồ họa, các ấn phẩm của TTXVN, áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Định mức này được áp dụng trong các công việc sau: Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; xây dựng phương án chi trả nhuận bút, thù lao, tiền công cho viên chức, người lao động từ nguồn ngân sách nhà nước; xây dựng giá thành các sản phẩm thông tin của TTXVN trong việc thực hiện các hợp đồng đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước.

Trưởng các đơn vị thông tin, Ban Kế hoạch - Tài chính và thủ trưởng các đơn vị dự toán trong toàn ngành có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng định mức kinh tế - kỹ thuật được duyệt và các quy định của bộ thông tin và Truyền thông.

Quyết định này có hiệu lực từ năm ngân sách 2023.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH NỘI QUY VÀ QUY CHẾ TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO CÔNG CHỨC

Bộ Nội vụ đang tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Thông tư quy định Nội quy và Quy chế tổ chức kiểm định chất lượng đầu vào công chức. Dự thảo đề xuất 11 quy định đối với thí sinh tham dự kỳ thi kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

Theo đó, thí sinh dự thi chỉ được rời phòng thi khi đã nộp bài và ký xác nhận vào bảng kết quả thi. Trường hợp thí sinh dự thi không ký xác nhận vào bảng kết quả thi trước khi ra khỏi phòng thi thì phải nhận điểm không (điểm 0). Trường hợp giám thị phát hiện thí sinh dự thi ký thay thí sinh khác thì các thí sinh này đều nhận điểm không (điểm 0). Việc quyết định điểm không (điểm 0)

đối với các trường hợp này do Chủ tịch Hội đồng quyết định căn cứ báo cáo của Trưởng ban coi thi. Thí sinh đến muộn sau khi bắt đầu tính giờ làm bài thì không được thi. Trong thời gian làm bài thi, thí sinh không được ra ngoài phòng thi và nếu có ốm, đau bất thường phải báo giám thị phòng thi.

Bên cạnh đó, dự thảo quy định công tác chuẩn bị tổ chức thi chậm nhất trước 30 ngày làm việc tính đến ngày tổ chức kiểm định, Hội đồng kiểm định chất lượng có trách nhiệm gửi thông báo triệu tập thí sinh dự thi. Nội dung thông báo triệu tập ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức thi và các nội dung khác có liên quan. Trước ngày tổ chức thi ít nhất 03 ngày làm việc, Hội đồng kiểm định chất lượng có trách nhiệm niêm yết danh sách thí sinh theo số báo danh, phòng thi, sơ đồ vị trí phòng thi, nội quy, hình thức, thời gian thi tại địa điểm thi.

Ngoài ra, tài khoản đăng ký dự thi trực tuyến của thí sinh được duy trì 12 tháng từ thời điểm thí sinh hoàn thành thủ tục đăng ký dự thi. Khi đăng ký dự thi, thí sinh được quyền chọn đợt thi, địa điểm đăng ký dự thi. Trong trường hợp sắp xếp địa điểm tổ chức thi, điểm thi, ca thi, Hội đồng kiểm định chất lượng có thể thay đổi địa điểm tổ chức thi, điểm thi, ca thi và thông báo cho thí sinh biết trước ít nhất 07 ngày làm việc.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Tài sản cố định hữu hình của đơn vị sự nghiệp công lập?*

Trả lời: Theo điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 25/4/2023 quy định tài sản cố định hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất, có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, gồm:

- Loại 1: Nhà, công trình xây dựng; gồm: Nhà làm việc; nhà kho; nhà hội trường; nhà câu lạc bộ; nhà văn hóa; nhà tập luyện và thi đấu thể thao; nhà bảo tồn, bảo tàng; nhà trẻ; nhà mẫu giáo; nhà xưởng; phòng học; nhà giảng đường; nhà ký túc xá; phòng khám, chữa bệnh; nhà an dưỡng; nhà khách; nhà ở công vụ và nhà, công trình xây dựng khác.

- Loại 2: Vật kiến trúc; gồm: Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi, giếng khoan, giếng đào, tường rào và vật kiến trúc khác.

- Loại 3: Xe ô tô; gồm: Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước và xe ô tô khác.

- Loại 4: Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô); gồm: Phương tiện vận tải đường bộ, phương tiện vận tải đường sắt, phương tiện vận tải đường thủy, phương tiện vận tải hàng không và phương tiện vận tải khác.

- Loại 5: Máy móc, thiết bị; gồm: Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; máy móc, thiết bị chuyên dùng và máy móc, thiết bị khác.

- Loại 6: Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm.

- Loại 7: Tài sản cố định hữu hình khác.

2. Hỏi: *Cách xác định nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm?*

Trả lời: Theo Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 25/4/2023 quy định việc xác định định nguyên giá tài sản cố định hình thành từ mua sắm được xác định theo công thức sau:

Nguyên giá tài sản cố định do mua sắm = (Giá trị ghi trên hóa đơn – Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có)) + (Các chi phí vận chuyển, bố dỡ, chi phí lắp đặt, chạy thử - Các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử)+ Các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được khấu trừ, hoàn lại); các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí) + Chi phí khác (nếu có)

Trong đó:

- Các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá/phạt người bán (nếu có) được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn chỉ được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá/phạt người bán.

- Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản cố định mà cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đã chi ra tính dến thời điểm đưa tài sản cố định vào sử dụng (bao gồm cả chi phí cho đấu thầu được bù đắp từ nguồn kinh phí không phải từ khoản thu từ hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật). Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản cố định thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản cố định theo tiêu chí phù hợp.

3. Hỏi: *Những tài sản được xác định là tài sản cố định đặc thù?*

Trả lời: Theo điểm c Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 25/4/2023 quy định tài sản cố định đặc thù là những tài sản không xác định được chi phí hình thành hoặc đánh giá được giá trị thực nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật, tài sản cố định là thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý đối với những tài sản quy định tại điểm này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương để thống nhất quản lý.

4. Hỏi: *Giá trị còn lại của tài sản cố định được xác định như thế nào?*

Trả lời: Theo Điều 16 Thông tư số 23/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 25/4/2023 quy

định giá trị còn lại của tài sản cố định để ghi sổ kế toán được xác định theo công thức sau:

Giá trị còn lại của tài sản cố định tính đến ngày 31/12 năm (n) = nguyên giá năm (n) của tài sản cố định – số hao mòn lũy kế, khấu hao đã trích của tài sản cố định tính đến 31/12 năm (n).

Đối với tài sản cố định đã được đánh giá lại giá trị tài sản quy định thì giá trị còn lại của tài sản cố định khi đánh giá lại là giá trị còn lại của tài sản cố định theo đánh giá lại./.